



ĐÔNG DƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẤU GIÁ TÀI SẢN ĐÔNG DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trụ sở chính: 617 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn
ĐT: 056.(2200569-3701703)-Fax: 056.3547029-DD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com

Số: 16 /TBBĐG-DD

Quy Nhơn, ngày 07 tháng 01 năm 2015

THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ

Tài sản thanh lý:

1. Lô 1: Vật tư thiết bị điện (có phụ lục chi tiết danh mục tài sản kèm theo). Giá khởi điểm: 154.173.706 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng; chưa bao gồm thuế GTGT; nộp khoản tiền đặt trước 23.000.000 đồng và phí tham gia đấu giá 200.000 đồng).

2. Lô 2: Máy biến áp, tủ bù điện (có phụ lục chi tiết danh mục tài sản kèm theo). Giá khởi điểm: 938.775.938 đồng (Chín trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi tám đồng; chưa bao gồm thuế GTGT; nộp khoản tiền đặt trước 140.000.000 đồng và phí tham gia đấu giá 500.000 đồng). Đối với lô tài sản này khi khách hàng đăng ký tham gia đấu giá tài sản bắt buộc phải có giấy phép kinh doanh ngành nghề theo nội dung của lô tài sản.

Nguồn gốc và tình trạng pháp lý: Tài sản thanh lý thu hồi của Dự án thủy điện An Khê – Ka Nak - Ban QLDA thủy điện 7.

Phương thức bán đấu giá: bán riêng từng lô tài sản.

Thời gian, địa điểm xem tài sản: 11 giờ ngày 15/01/2015 tại Khu công nhân vận hành nhà máy thủy điện An Khê, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Thời gian đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá: Kể từ ngày thông báo đến 16 giờ ngày 15/01/2015 tại Trụ sở Công ty TNHH đấu giá tài sản Đông Dương.

Thời gian bán đấu giá: lúc 14 giờ ngày 17/01/2015 tại Trụ sở Công ty TNHH đấu giá tài sản Đông Dương.

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá tài sản trên, xin liên hệ tại Công ty để xem hồ sơ, tài liệu, tài sản bán đấu giá...và các quy định có liên quan về việc bán đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban QLDA thủy điện 7
(để niêm yết tại trụ sở và lưu hs);
- Niêm yết, lưu hs, lưu Cty...

Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc (thông báo rộng rãi nội dung văn bản này để các đơn vị, cá nhân trong hoặc ngoài đơn vị biết và tham gia đấu giá nếu có nhu cầu);
- Giám đốc (báo cáo);
- Ban điều hành Website (để đăng thông báo và danh mục tài sản đấu giá).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Chữ ký)

Vương Thái Hòa



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Việt Hùng

TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY THỦY ĐIỆN
AN KHÊ-KANAK

PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH MỤC TSCĐ
THANH XỬ LÝ THEO BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG THANH LÝ NGÀY....THÁNG 12 NĂM 2014
(Kèm theo biên bản Hợp hội đồng thanh lý số /ATDD7-P5, ngày 19 tháng 12 năm 2014)

A. VẬT TƯ TỔNG HỢP THANH LÝ

BMQC-B03-03-BM07

Số TT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sổ sách kế toán (đồng)	Giá trị hạch toán sổ sách (đồng)	Đánh giá % chất lượng còn lại	Đơn giá dự tính thu hồi (đồng)	Giá trị đề nghị thu hồi (đồng)	Nguồn vốn hình thành	Biện pháp thanh xử lý	Tình trạng kỹ thuật
1	Dây nhôm lõi thép AC-70	Mét	780	3.135	2.445.300	Đã đánh giá lại giá trị % trước khi nhập kho	3.135	2.445.300	đầu tư XD CB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
2	Cột BTLT - 10.5m loại A	Cột	2	97.520	195.040		97.520	195.040	đầu tư XD CB	bán TL	đã cắt gốc
3	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	3	135.445	406.335		135.445	406.335	đầu tư XD CB	bán TL	đã cắt gốc
4	Cáp bọc Cu/XLPE - 22kV-Cu35	Mét	12	12.625	151.500		12.625	151.500	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
5	Cáp lực hạ thế 660 V CXV300 mm2	Mét	24	58.209	1.397.016		58.209	1.397.016	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
6	Cáp lực hạ thế 660 V CXV150 mm2	Mét	8	29.695	237.560		29.695	237.560	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
7	Kẹp cáp đầu rẽ	Bộ	3	22.000	66.000		22.000	66.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
8	Cáp bọc Cu/XLPE - 22kV-Cu35	Mét	6	3.121	18.726		3.121	18.726	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
9	Dây nhôm lõi thép AC-50/8	Mét	150	2.677	401.550		2.677	401.550	đầu tư XD CB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
10	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	2	91.860	183.720		91.860	183.720	đầu tư XD CB	bán TL	đã cắt gốc
11	Cáp bọc Cu/XLPE - 22kV-Cu35	Mét	12	6.750	81.000		6.750	81.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
12	Cáp bọc 660V ruột đồng XLPE vỏ PVC, CXV-120	Mét	6	22.929	137.574		22.929	137.574	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
13	Kẹp răng nối dây tiếp địa U35	Cái	2	2.000	4.000		2.000	4.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
14	Dây tiếp địa CVV 35	Mét	5	9.500	47.500		9.500	47.500	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
15	Côliê & Tăng đỡ giữ MBA TĐGMBA-1A	Bộ	1	33.900	33.900		33.900	33.900	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
16	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	2	91.860	183.720		91.860	183.720	đầu tư XD CB	bán TL	đã cắt gốc

17	Dây nhôm lõi thép AC-50/8	Mét	430	2.677	1.151.110	Đã đánh giá lại giá trị % trước khi nhập kho	2.677	1.151.110	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
18	Cột BTLT - 10.5m loại A	Cột	1	68.043	68.043		68.043	68.043	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
19	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	3	91.860	275.580		91.860	275.580	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
20	Cột BTLT - 12m loại A	Cột	1	108.401	108.401		108.401	108.401	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
21	Cổ dề cuối CDC - 95	Bộ	2	40.200	80.400		40.200	80.400	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
22	Cáp bọc Cu/XLPE - 22kV-Cu35	Mét	12	6.750	81.000		6.750	81.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
23	Dây tiếp địa CVV 35	Mét	5	9.500	47.500		9.500	47.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
24	Côliê & Tăng đỡ giữ MBA TĐGMBA-1A	Bộ	1	33.900	33.900		33.900	33.900	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
25	Cáp bọc Cu/XLPE - 22kV-Cu35	Mét	12	3.121	37.452		3.121	37.452	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
26	Cáp bọc 660 V ruột đồng XLPE vỏ PVC tiết diện 240mm ²	Mét	21,5	46.891	1.008.157		46.891	1.008.157	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
27	Dây tiếp địa CVV 35	Mét	5	4.800	24.000		4.800	24.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
28	Dây dẫn AC-95/16	Mét	283	5.235	1.481.505		5.235	1.481.505	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
29	Cột BTLT 10.5m LT-10.5C	Cột	2	80.750	161.500		80.750	161.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
30	Cổ dề cuối CDC - 95	Bộ	1	40.200	40.200		40.200	40.200	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
31	Cáp bọc trung thế: XLPE-35kV-C35	Mét	14	4.750	66.500		4.750	66.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
32	Cáp bọc 660V ruột đồng cách điện XLPE, vỏ PVC tiết diện 240mm ²	Mét	24	46.891	1.125.384		46.891	1.125.384	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
33	Dây tiếp đất CV25	Mét	5	13.500	67.500		13.500	67.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
34	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	2	80.750	161.500		80.750	161.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
35	Cáp đồng bọc 0.4 kV (3x240+120)	mét	6,70	44.538	298.405		44.538	298.405	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
36	Dây dẫn AC70	Mét	810	3.135	2.539.350		3.135	2.539.350	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
37	Cáp đồng bọc 35 kV (XLPE 35 mm ²)	mét	10	6.313	63.130		6.313	63.130	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
38	Dây nhôm lõi thép AC-95	Mét	1600	5.235	8.376.000		5.235	8.376.000	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
39	Cột BTLT - 14m loại A	Cột	1	288.158	288.158		288.158	288.158	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
40	Cột BTLT - 14m loại C	Cột	1	427.850	427.850		427.850	427.850	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc

41	Cột BTLT - 12m loại C	Cột	1	135.857	135.857	135.857	135.857	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
42	Cột BTLT - 10.5m loại C	Cột	1	79.657	79.657	79.657	79.657	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
43	Cột BTLT - 12m loại A	Cột	1	96.453	96.453	96.453	96.453	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
44	Cột bê tông ly tâm 10,5 m	cột	7	79.657	557.599	79.657	557.599	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
45	Biến điện áp TU 6/0,1 KV	Cái	1	54.250	54.250	54.250	54.250	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
46	Máy biến dòng TI 25/5A (50/5A)	Cái	3	29.250	87.750	29.250	87.750	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
47	Dây dẫn AC-95	Mét	30	5.235	157.050	5.235	157.050	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
48	Dây nhôm bọc XLPE 22 KV - A50	m	8	2.353	18.824	2.353	18.824	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
49	Dây đồng bọc XLPE 22 KV - M50	m	8	8.098	64.784	8.098	64.784	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
50	Kẹp răng cho dây XLPE-A50	Cái	3	2.000	6.000	2.000	6.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
51	Kẹp răng cho dây XLPE-A50/M50	Cái	4	4.500	18.000	4.500	18.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
52	Dây dẫn AC-95	Mét	27,5	5.235	143.963	5.235	143.963	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
53	Kẹp cáp nhôm 3 bulong	Cái	6	2.000	12.000	2.000	12.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
54	Dây dẫn XLPE 22 kV - A50	m	24	2.353	56.472	2.353	56.472	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
55	Dây dẫn XLPE 22 kV - M50	m	2	8.098	16.196	8.098	16.196	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
56	Dây nhôm lõi thép AC-50/8	Mét	2400	2.677	6.424.800	2.677	6.424.800	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
57	Cổ dè cuối CG-95	Bộ	1	48.075	48.075	48.075	48.075	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
58	Cột BTLT - 10,5m loại A	Cột	3	60.941	182.823	60.941	182.823	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
59	Cột BTLT - 10,5m loại C	Cột	1	79.657	79.657	79.657	79.657	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
60	Cột BTLT - 12m loại A	Cột	3	96.453	289.359	96.453	289.359	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
61	Cột BTLT - 10,5m loại C	Cột	2	79.657	159.314	79.657	159.314	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
62	Dây nhôm lõi thép AC-50/8	Mét	86	2.677	230.222	2.677	230.222	đầu tư XDCB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
63	Cột BTLT - 10,5m loại C	Cột	2	79.657	159.314	79.657	159.314	đầu tư XDCB	bán TL	đã cắt gốc
64	Kẹp đầu rẽ dây Cu/XLPE-24kV-35	Bộ	3	22.000	66.000	22.000	66.000	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
65	Côliê & tăng đỡ giữ MBA-T ĐGMBA-1A	Bộ	1	33.928	33.928	33.928	33.928	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng
66	Cáp hạ thế 0.4kV	M	3	1.500	4.500	1.500	4.500	đầu tư XDCB	bán TL	đã qua sử dụng

Đã đánh giá lại giá trị % trước khi nhập kho

67	bu lông M30	Bộ	5	3.750	18.750	Đã đánh giá lại giá trị % trước khi nhập kho	3.750	18.750	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
68	Tăng đơ	Cái	4	15.000	60.000		15.000	60.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
69	Cáp cao áp 35kV	m	2,4	16.250	39.000		16.250	39.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
70	Dây dẫn trung thế CXV-35-22kV	mét	3	4.800	14.400		4.800	14.400	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
71	Cáp bọc 660V XPPE 3x120+1x70	mét	8	23.565	188.520		23.565	188.520	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
72	Dây nhôm lõi thép AC95	Mét	150	5.235	785.250		5.235	785.250	đầu tư XD CB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
73	Dây nhôm lõi thép AC-95 3 pha	m	2337	5.235	12.234.195		5.235	12.234.195	đầu tư XD CB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
74	Dây dẫn đấu nối Cu/PVC-1x50mm ²	m	31	3.735	115.785		3.735	115.785	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
75	Dây tiếp địa M-35	m	5	9.500	47.500		9.500	47.500	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
76	Sứ chuỗi 3 bát	chuỗi	6	123.500	741.000		123.500	741.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
77	Dây nhôm AC50	m	150	2.677	401.550		2.677	401.550	đầu tư XD CB	bán TL	gồm nhiều đoạn riêng lẻ
78	Cùm đầu rẽ nhôm	cái	3	98.550	295.650		98.550	295.650	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
79	Dây CU/PE 35 1m/sợi	m	1	3.735	3.735		3.735	3.735	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
80	Tăng đơ	cái	6	15.000	90.000		15.000	90.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
81	Dây nối tiếp địa CSV Cu35	m	2	9.500	19.000		9.500	19.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
82	Tủ điện	cái	3	788.375	2.365.125		788.375	2.365.125	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
83	Cáp bọc 660V 240mm 8m/sợi	m	112	46.891	5.251.792		46.891	5.251.792	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
84	Giá đỡ cáp ngầm	Bộ	3	119.270	357.810		119.270	357.810	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
85	Cáp ngầm 22kV Cu (3x95)mm ²	Mét	79	50.000	3.950.000		50.000	3.950.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
86	Cáp ngầm 22kV Cu (1x500)mm ²	Mét	177	475.000	84.075.000		475.000	84.075.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
87	Cáp ngầm 22kV Cu (1x500)mm ²	Mét	49	190.000	9.310.000		190.000	9.310.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
88	Cột BTLT 14m	Cột	2	311.916	623.832		311.916	623.832	đầu tư XD CB	bán TL	đã cắt góc
TỔNG								154.173.706			

B. MÁY BIẾN ÁP, TỤ BÙ

Số TT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sổ sách kế toán (đồng)	Giá trị hạch toán sổ sách (đồng)	Đánh giá % C.lượng còn lại	Đơn giá dự tính thu hồi (đồng)	Giá trị đề nghị thu hồi (đồng)	Nguồn vốn hình thành	Biện pháp thanh xử lý	Tình trạng kỹ thuật
1	MBA 3 pha 22/0,4kV-320kVA	Máy	1	38.311.037	38.311.037	Đã đánh giá lại giá trị % trước khi nhập kho	38.311.037	38.311.037	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
2	MBA 3 pha 22/0,4kV-320kVA	Máy	1	47.888.796	47.888.796		47.888.796	47.888.796	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
3	MBA 3 pha 22/0,4kV-320kVA	Máy	1	47.888.796	47.888.796		47.888.796	47.888.796	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
4	MBA 3 pha 22/0,4kV-250 kVA	Máy	1	24.593.604	24.593.604		24.593.604	24.593.604	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
5	MBA 3 pha 22/0,4kV-160 kVA (tham chiếu T1.4)	Máy	1	28.368.000	28.368.000		28.368.000	28.368.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
6	Máy biến áp 400 kVA - (22/0,4kV)	Máy	1	42.909.919	42.909.919		42.909.919	42.909.919	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
7	Máy biến áp lực 3 pha 2 cuộn dây đặt ngoài trời, công suất 630 KVA, Điện áp 22/6,6 kV Y/D-11 Uk% = 6,5%	Máy	1	59.368.692	59.368.692		59.368.692	59.368.692	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
8	Máy biến áp 160kVA, 35/0.4kV	Máy	1	29.481.060	29.481.060		29.481.060	29.481.060	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
9	Máy biến áp 250kVA, 35/0.4kV	Máy	1	37.018.800	37.018.800		37.018.800	37.018.800	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
10	Máy biến áp 320kVA 22kV/0,4	máy	1	43.099.916	43.099.916		43.099.916	43.099.916	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
11	Máy biến áp 400kVA 22kV/0,4	máy	2	48.273.659	96.547.318		48.273.659	96.547.318	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
12	Tụ bù 1 pha 15kV-500kVAR 2 cực	Bình	11	40.300.000	443.300.000		40.300.000	443.300.000	đầu tư XD CB	bán TL	đã qua sử dụng
	TỔNG							938.775.938			
	TỔNG CỘNG							1.092.949.644			

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Vy Lam

Trương Thị Kim Yến

Võ Lũy